

**ĐỀ THI MÔN: HỆ QUẢN TRỊ CSDL ORACLE**

**Đề 1**

Thời gian làm bài: 90 phút

(Đề thi bao gồm 4 trang - Học viên không được phép xem tài liệu)

<input type="checkbox"/> Họ và tên: .....	Chữ ký và họ tên Cán bộ coi thi	Điểm số: .....
<input type="checkbox"/> MSSV: .....		Điểm chữ: .....
<input type="checkbox"/> Lớp: .....		

**Phần 1: BẢNG TRẢ LỜI TRẮC NGHIỆM:** ( Chọn: ✕ - Bỏ chọn: ⊗ - Chọn lại: ● )

	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
A																				
B																				
C																				
D																				

**Phần 2: PHẦN TỰ LUẬN:**

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

## ĐỀ THI

### PHẦN 1: CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM (6 điểm, 20 câu)

**Câu 1.** Dòng code nào sau đây bị lỗi?

```
1 CREATE TABLE FRUITS_VEGETABLES  
2 (FRUIT_TYPE VARCHAR2,  
3 FRUIT_NAME CHAR (20),  
4 QUANTITY NUMBER);
```

- A. Dòng 1      B. Dòng 2      C. Dòng 3      D. Dòng 4

**Câu 2.** Chọn câu trả lời đúng cho hàm TO\_CHAR?

- A. Chuyển 10 thành 'TEN'  
B. Chuyển '10' thành 10  
C. Chuyển '10' thành '10'  
D. Chuyển 'TEN' thành 10

**Câu 3.** Để hiển thị những nhân viên có kí tự thứ 2 trong tên là "A", câu lệnh SQL nào là hợp lệ.

- A. SELECT last\_name  
FROM EMP  
WHERE last name ='\*A%';  
B. SELECT last\_name  
FROM EMP  
WHERE last name ='\_A%';  
C. SELECT last\_name  
FROM EMP  
WHERE last\_name LIKE '\_A%';  
D. SELECT last\_name  
FROM EMP  
WHERE last name LIKE '\*A%'

**Câu 4.** Mệnh đề nào sau đây sử dụng trong câu lệnh SELECT để hiển thị những người có mức lương >500

- A. ORDER BY SALARY > 500  
B. GROUP BY SALARY > 500  
C. HAVING SALARY > 500  
D. WHERE SALARY > 500

**Câu 5.** Điều gì làm cho vòng lặp WHILE ngừng lặp?

- A. Khi điều kiện được đánh giá là NULL  
B. Khi điều kiện được đánh giá là FALSE  
C. Khi điều kiện được đánh giá là TRUE  
D. Câu lệnh EXIT luôn luôn được sử dụng để kết thúc vòng lặp.

**Câu 6.** Chọn cách khai báo biến nào sau đây trong PL/SQL block biết rằng biến V\_X có kiểu dữ liệu trùng với kiểu dữ liệu của cột MAHANG trong table HANGHOA?

- A. V\_X NUMBER;  
B. V\_X VARCHAR2;  
C. V\_X HANGHOA.MAHANG%TYPE;  
D. V\_X MAHANG.HANGHOA%TYPE;

**Câu 7.** Trong SQL\* Plus thực hiện câu lệnh sau:

```
SELECT * FROM orders;
```

Câu lệnh trên được sử dụng để truy xuất dữ liệu từ bảng ORDER để

- A. Cập nhật (Updating)  
B. Hiển thị (Viewing)  
C. Xóa (Deleting)  
D. Thêm (Inserting)

**Câu 8.** Câu lệnh nào sau đây trả về số lượng khách hàng

- A. SELECT TOTAL(\*) FROM customers;  
B. SELECT COUNT(\*) FROM customers;  
C. SELECT TOTAL(firstname) FROM customers;  
D. SELECT COUNT(customers) FROM customers;

**Câu 9.** Cấu trúc lặp nào ước lượng điều kiện trước khi vào vòng lặp và không thực hiện vòng lặp nếu giá trị của điều kiện là FALSE

- A. FOR...LOOP  
B. WHILE...LOOP  
C. LOOP  
D. GOTO

**Câu 10.** Câu lệnh sau thực hiện điều gì?  
alter user effie identified by kerberos;

- A. Tạo một user effie.  
B. Thay đổi user effie thành 1 user toàn cục.  
C. Đổi mật khẩu cho user effie.  
D. Cả 3 câu trên đều sai.

**Câu 11.** Khi PL/SQL block sau thực thi, giá trị V1 sẽ là gì?

```
DECLARE  
    V0 INT;  
    V1 BOOLEAN;  
BEGIN  
    BEGIN  
        SELECT COUNT(*) INTO V0 FROM  
EMP;  
    END;  
    BEGIN  
        V1 := SQL%FOUND;  
    END;  
END;
```

- A. NULL  
B. TRUE  
C. FALSE  
D. Đoạn code không làm việc.

**Trường Đại học Công nghệ thông tin**  
**Khoa Hệ Thống Thông Tin**

**Câu 12.** Trong table CHECKING, giá trị BALANCE của tài khoản có mã số 'A' (ACCOUNT\_ID = 'A') trong PL/SQL sau bằng mấy?

```
BEGIN
  UPDATE checking SET balance = 5000 WHERE
  account_id = 'A';
  SAVEPOINT save_A;
  UPDATE checking SET balance = 7500 WHERE
  account_id = 'A';
  SAVEPOINT save_A2;
  UPDATE checking SET balance = 3000 WHERE
  account_id = 'A';
  SAVEPOINT save_A3;
  ROLLBACK TO SAVEPOINT save_A;
END;
COMMIT;
```

A. 5000      B. 7500      C. 3000      D. 25000

**Câu 13.** Lệnh nào sau đây làm mất hiệu lực các trigger trên bảng EMP

- A. ALTER TRIGGERS ON TABLE EMP DISABLE;
- B. ALTER EMP DISABLE ALL TRIGGERS;
- C. ALTER TABLE EMP DISABLE ALL TRIGGERS;
- D. Không có câu lệnh nào cả

**Câu 14.** Lệnh nào sau đây làm mất hiệu lực các trigger trên bảng EMP

- A. ALTER TRIGGERS ON TABLE EMP DISABLE;
- B. ALTER EMP DISABLE ALL TRIGGERS;
- C. ALTER TABLE EMP DISABLE ALL TRIGGERS;
- D. Không có câu lệnh nào cả

**Câu 15.** Các quyền của System Privileges bao gồm:

- A. SELECT, INSERT, UPDATE
- B. DELETE, ALTER
- C. INDEX, REFERENCES.
- D. Tất cả các quyền trên

**Câu 16.** Câu lệnh sau có ý nghĩa gì:

ALTER ROLE "QuanTriSV" IDENTIFIED "123456"

- A. Tạo role "QuanTriSV" có password là "123456"
- B. Thay đổi password mới cho role "QuanTriSV" là "123456"
- C. Xóa role "QuanTriSV" có password là "123456"
- D. Gán password là "123456" cho role "QuanTriSV".

**Câu 17.** Lệnh nào sau đây dùng để cấp phát quyền:

- A. GRANT
- B. REVOKE
- C. CREATE
- D. Không có câu nào đúng

**Câu 18.** Trong Oracle, Sequence là gì?

- A. Là đối tượng tạo ra một dãy số liên tiếp một cách tự động, thường hay sử dụng trong câu lệnh CREATE trong khi tạo bảng.
- B. Là đối tượng tạo ra một dãy số liên tiếp, thường hay sử dụng trong câu lệnh INSERT để nhập dữ liệu cho bảng.
- C. Sequence là đối tượng tạo ra một dãy số liên tiếp một cách tự động, thường hay sử dụng trong câu lệnh INSERT để nhập dữ liệu cho bảng
- D. Sequence là đối tượng tạo ra một dãy số liên tiếp một cách tự động.

**Câu 19.** Để tìm nhân viên sinh vào khoảng 1965 và 1977, câu lệnh nào sau đây là đúng?

- A. SELECT \* FROM NHANVIEN  
WHERE To\_number(To\_char(NGAYSINH,'yyyy'))  
BETWEEN 1965 AND 1977
- B. SELECT \* FROM NHANVIEN  
WHERE To\_char(NGAYSINH,'yyyy'))  
BETWEEN 1965 AND 1977
- C. SELECT \* FROM NHANVIEN  
WHERE To\_number (NGAYSINH,'yyyy'))  
BETWEEN 1965 AND 1977
- D. Không có câu nào đúng

## PHẦN 2: PHẦN TỰ LUẬN (4 điểm)

Cho lược đồ CSDL Quản lý bán hàng như sau:

**HANGHOA** (MaH, TenH, DonViTinh)

**HOADON** (SoHD, HoTenKH, Ngaylap, MaNV)

**CTHD** (SoHD, MaH, Soluong, Dongia)

**NHANVIEN** (MaNV, Hoten, Diachi, NgaySinh)

Lưu ý: Khóa chính được gạch chân.

Viết bằng PL/SQL thực hiện các công việc sau:

1. Các SoHD nhân viên có mã số “NV001” lập vào ngày 10/10/2003. (1 điểm).
2. MaH, TenH không bán được trong năm 2004. (1 điểm)
3. Tổng tiền bán được theo từng tháng trong năm 2004. Thông tin hiển thị gồm 2 cột: Tháng, tổng tiền bán. (1 điểm)
4. Viết một Procedure insert một nhân viên mới (tham số truyền vào là giá trị của các cột tương ứng trong table NHANVIEN), kiểm tra tuổi của nhân viên phải lớn hơn 18, nếu nhỏ hơn 18 thì cho phép Insert, ngược lại không cho phép. (1 điểm).

*Gợi ý: hàm lấy năm của ngày hiện tại trong hệ thống - sử dụng hàm lấy năm của ngày sinh so sánh với 18.*

== HẾT ==